

Số: 47/2025/QĐ-UBND

An Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên
tai tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 216/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 6 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Nội vụ, Chi cục Thuế khu vực XIX, Kho bạc Nhà nước khu vực XIX, Bảo hiểm xã hội khu vực XXX, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Chi cục Thuế khu vực XIX;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XIX;
- Bảo hiểm xã hội khu vực XXX;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, SNNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Công Thúc

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi của Quỹ

1. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh hàng năm không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ trong năm đó

a) Chi hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ kiêm nhiệm của Cơ quan quản lý Quỹ như sau:

Chi làm thêm giờ: mức chi theo quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chi phụ cấp trách nhiệm quản lý; chi tiền lương và các khoản trích theo lương cho lao động hợp đồng thực hiện một số công việc phục vụ hoạt động của Quỹ theo quy định hiện hành.

b) Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; chi thuê, mua công cụ, dụng cụ lao động, tài sản, thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của Quỹ; dịch vụ mua ngoài (tiền nhiên liệu, tiền điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông, internet; kiểm toán; dịch vụ pháp lý; chi trả tiền sử dụng các tài liệu kỹ thuật, các dịch vụ kỹ thuật) và các chi phí khác phục vụ hoạt động của Quỹ: mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Chi hội nghị, tập huấn, họp khác liên quan đến hoạt động của Quỹ; công tác phí cho thành viên Quỹ và những người có liên quan khi đi công tác thực hiện nhiệm vụ của Quỹ: mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND

ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, theo khả năng cân đối của Quỹ

a) Chi hoạt động thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; chi phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Chi lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh An Giang và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Chi sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: đối với hộ phải di dời nhà ở theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai được xem xét hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và trong khả năng cân đối của Quỹ để xây dựng lại nhà ở nơi ở mới.

d) Chi diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp (gồm: tiền ăn uống trong đợt diễn tập; mua sắm trang phục, mua sắm vật tư, trang thiết bị văn phòng, nhiên liệu; thuê phòng trọ; trang thiết bị phục vụ diễn tập): mức chi căn cứ dự toán theo tiêu chuẩn, định mức được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ nhưng không quá 1.000.000.000 đồng/đợt diễn tập/năm đối với cấp tỉnh, không quá 500.000.000 đồng/đợt diễn tập/năm đối với cấp huyện, không quá 200.000.000 đồng/đợt diễn tập/năm đối với cấp xã.

đ) Chi mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và danh sách đề nghị được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

e) Chi tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai:

Đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập được hưởng trợ cấp ngày công lao động như sau:

Người được huy động tập huấn, huấn luyện, diễn tập: mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

Người được huy động làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai: mức chi 150.000 đồng/người/ngày.

Người được huy động huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai vào ban đêm (từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau): mức chi gấp hai lần mức chi quy định tại điểm này.

Khi tập huấn, huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được bố trí chỗ nghỉ, hỗ trợ phương tiện, đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi và về như cán bộ, công chức cấp xã và được hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/người/ngày.

g) Chi xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: mức chi theo chủ trương, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

h) Chi mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: mức chi theo quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai do cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai, theo khả năng cân đối của Quỹ

a) Chi sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: mức chi tối đa 100.000 đồng/người/ngày căn cứ theo số ngày thực tế được sơ tán và danh sách sơ tán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi cho lực lượng tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai và các lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai: mức chi theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

c) Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP.

4. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, theo khả năng cân đối của Quỹ

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở của nhân dân bị hư hỏng do thiên tai:

Hỗ trợ 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với các thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai.

Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng thiệt hại do thiên tai: chi theo thực tế và khả năng cân đối của Quỹ. Mức chi tối đa 300.000 đồng/người/đợt thiên tai.

Hỗ trợ chi phí mai táng cho gia đình có người chết, mất tích do thiên tai theo thực tế nhưng không quá 25.000.000 đồng/người.

Hỗ trợ hộ gia đình có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, mức hỗ trợ theo thực tế nhưng không quá 40.000.000 đồng/hộ để xây dựng lại nhà ở.

Hỗ trợ nhà ở bị hư hỏng do thiên tai để khắc phục, sửa chữa lại nhà ở, đối với nhà ở có mức thiệt hại trên 70%, mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ; có mức thiệt hại từ 50% - 70%, mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/hộ; có mức thiệt hại từ 30% đến dưới 50%, mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ; có mức thiệt hại dưới 30%: khuyến khích các hộ dân tự sửa chữa, khắc phục thiệt hại để ổn định cuộc sống.

b) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở: mức chi tối đa 50.000.000 đồng/một công trình/đợt thiên tai kèm theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Hỗ trợ hộ dân có diện tích sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, các nội dung chi, quy trình và mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 9/2025/NĐ-CP.

5. Trong trường hợp cùng một nội dung chi có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì áp dụng mức chi hỗ trợ cao nhất.

6. Phân bổ Quỹ

Căn cứ nội dung chi và mức chi của Quỹ tại khoản 2, 3, 4 Điều này và số thu thực tế trên địa bàn mỗi cấp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã được phân bổ như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ lại 23% số thu trong năm trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện là 20% số thu quỹ và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3%. Số tiền thu quỹ còn lại (77% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại 28% số thu trong năm trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%, chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ là 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã là 20% số thu quỹ. Số tiền thu quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ ở cấp huyện được ủy quyền theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan, kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quản lý thu, nộp, sử dụng Quỹ hiệu quả; thực hiện chế độ quản lý và sử dụng nguồn tài chính Quỹ; xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương.

d) Chịu trách nhiệm thẩm tra quyết toán theo quy định; báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán trong Quý I hàng năm; báo cáo kết quả thu, chi quỹ với Cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hằng tháng.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn Quỹ thực hiện chế độ quản lý và sử dụng nguồn tài chính Quỹ; thẩm định báo cáo quyết toán Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong Quý I hằng năm; phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; phối hợp cung cấp danh sách các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước đã đăng ký và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh cho Quỹ khi có yêu cầu để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và thực hiện thu nộp Quỹ.

3. Chi cục Thuế khu vực XIX có trách nhiệm phối hợp và chỉ đạo Đội Thuế cấp huyện trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn; thông tin tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP cho Cơ quan quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 3 của năm kế hoạch để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

4. Cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trên địa bàn trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh tại từng huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 15 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP cho Cơ quan quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trước ngày 15 tháng 3 hằng năm để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

5. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận, đối chiếu nguồn đóng góp Quỹ từ các địa phương, đơn vị chuyển về tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước và cấp phát khi có đề nghị của Cơ quan quản lý Quỹ, xác nhận số dư Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính theo định kỳ.

6. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại Quy định này.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và tổ chức lập kế hoạch thu, nộp Quỹ của các tổ chức, cá nhân theo quy định, bộ phận thường trực thu nộp Quỹ giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì cùng phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Môi trường và các phòng, cơ quan, đơn vị liên quan để giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý thu, nộp Quỹ theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và cơ quan, đơn vị sử dụng Quỹ bảo cáo quyết toán gửi Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 25 tháng 02 hằng năm để thẩm tra gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán trong Quý I hằng năm.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, bất cập, các sở, ban, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế./.